

Sở dĩ có tình hình này là do :

— Tổ chức quỹ tiết kiệm còn quá yếu, cán bộ chuyên trách của Ngân hàng quá ít, chủ yếu phải dựa vào những người làm ủy nhiệm trong khi sự lãnh đạo và quản lý của Ngân hàng Nhà nước còn lỏng lẻo, chế độ quản lý có nhiều sơ hở.

— Thẻ thức và thủ tục gửi và rút tiền chưa thuận tiện đối với các tầng lớp nhân dân.

— Các cơ quan chính quyền có nơi, có lúc coi nhẹ việc lãnh đạo công tác vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm, nhất là thiếu đơn đốc kiểm tra các quỹ tiết kiệm và hợp tác xã tín dụng.

Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi phải động viên mạnh mẽ mọi nguồn nhân lực, vật lực và tài lực để đẩy mạnh cuộc chiến đấu giành những thắng lợi to lớn hơn nữa. Đi đôi với những cố gắng trong việc chuyển hướng và đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cần ra sức đẩy mạnh việc huy động tiền tiết kiệm của nhân dân để tăng thêm vốn cho vay phục vụ sản xuất đồng thời góp phần cân đối tiền — hàng, ổn định giá cả và tiền tệ.

Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh việc huy động tiền tiết kiệm, Hội đồng Chính phủ quyết định :

1. Xây dựng hệ thống quỹ tiết kiệm thành một tổ chức hạch toán kinh tế có biên chế và quỹ lương riêng để chuyên trách công tác huy động tiền tiết kiệm. Hệ thống quỹ tiết kiệm có thẻ kiểm nhiệm một số nghiệp vụ thu, trả tiền đối với tư nhân do các tổ chức kinh tế và cơ quan Nhà nước ủy nhiệm, và cho vay sinh hoạt đối với công nhân, viên chức Nhà nước.

Về tổ chức hệ thống quỹ tiết kiệm, sẽ có quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm để khuyến khích thích đáng những người có tiền gửi tiết kiệm (Hội đồng Chính phủ sẽ có quyết định riêng).

3. Cho phép Ngân hàng Nhà nước ban hành thẻ lệ cho vay sinh hoạt đối với công nhân, viên chức Nhà nước để góp phần giải quyết khó khăn về đời sống đồng thời động viên công nhân, viên chức tham gia gửi tiền tiết kiệm.

4. Ngân hàng Nhà nước phải cải tiến thẻ thức và thủ tục gửi tiền tiết kiệm cho đơn giản, thuận tiện, có thể gửi ở một nơi lấy được ở nhiều nơi, và bảo đảm bí mật cho người gửi tiền ; cải tiến việc quản lý quỹ tiết kiệm, định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cán bộ, nhân viên trong từng khâu công tác và thi hành đầy đủ chế độ trách nhiệm vật chất mỗi khi xảy ra tham ô, lợi dụng.

5. Ủy ban hành chính các cấp có trách nhiệm tăng cường lãnh đạo công tác huy động tiền tiết kiệm, củng cố tổ chức quỹ tiết kiệm tại địa phương, chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể nhân dân tuyên truyền và động viên quần chúng gửi tiền tiết kiệm, làm cho việc tiết kiệm chi tiêu và gửi tiền tiết kiệm trở thành hành động tự giác và nếp sống bình thường của mọi tầng lớp nhân dân.

Hà-nội, ngày 18 tháng 9 năm 1972

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

QUYẾT ĐỊNH số 179-CP ngày 18-9-1972 về lãi suất tiền gửi tiết kiệm của nhân dân.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để khuyến khích đúng mức những người có tiền gửi tiết kiệm ;

Theo đề nghị của đồng chí Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam ;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 9 tháng 8 năm 1972,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay bãi bỏ việc quay số thường và việc ưu tiên phân phối hàng tiêu dùng, vật liệu làm nhà và nhà ở cho những người gửi tiền

tiết kiệm dài hạn chống Mỹ, cứu nước nói ở quyết định của Hội đồng Chính phủ số 102-CP ngày 3 tháng 7 năm 1968; đồng thời sửa đổi lãi suất và cách trả lãi tiền gửi tiết kiệm dài hạn chống Mỹ, cứu nước quy định trong quyết định nói trên như sau:

a) Lãi suất trước là 2% một năm, nay định lại là 5,20% một năm.

Lãi suất này được áp dụng đối với tất cả các sổ tiền gửi từ khi ban hành thể lệ gửi tiền tiết kiệm dài hạn chống Mỹ, cứu nước ngày 3 tháng 7 năm 1968. Số tiền rút ra trước hạn 5 năm không được hưởng lãi.

b) Tiền lãi được trả hàng năm cho người có tiền gửi.

Điều 2. — Nay sửa đổi lãi suất tiền gửi tiết kiệm nói trong quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 108-TTg ngày 6 tháng 10 năm 1969 như sau:

a) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn trước là 0,25% một tháng, nay định lại là 0,30% một tháng, tức 3,60% một năm.

b) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm trên 6 tháng trước là 0,30% một tháng, nay định lại là:

— 0,32% một tháng, tức 3,84% một năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên,

— 0,35% một tháng, tức 4,20% một năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên.

Lãi suất mới nói ở điều này được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1972.

Điều 3. — Nay định lãi suất tiền gửi tư nhân ở quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa là 0,25% một tháng, tức 3% một năm.

Lãi suất này được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1972.

Điều 4. — Đồng chí Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam có trách nhiệm báo với các cơ quan và hướng dẫn thi hành quyết định này.

Hà-nội ngày 18 tháng 9 năm 1972

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng
LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

LIÊN BỘ NỘI THƯƠNG — CÔNG AN —
LAO ĐỘNG — TỔNG CỤC THỐNG KÊ

THÔNG TƯ liên bộ số 20-TT/LB ngày 20-9-1972 về việc kê khai, cấp phát các loại tem phiếu mua hàng.

Căn cứ vào mục đích, yêu cầu đề ra trong chỉ thị số 283-TTg ngày 8-10-1971 của Thủ tướng Chính phủ về việc kê khai cấp phát các loại tem phiếu mua hàng và đề kết hợp thực hiện Điều lệnh về nghĩa vụ lao động trong thời chiến; dựa vào chức năng, nhiệm vụ của các ngành đã được ghi rõ trong chỉ thị nói trên và sau khi rút kinh nghiệm việc chỉ đạo công tác kê khai cấp phát tem phiếu mua hàng năm 1972.

Liên Bộ Nội thương — Công an — Lao động — Tổng cục Thống kê quy định và hướng dẫn những điểm sau đây để Ủy ban hành chính các địa phương và các ngành có liên quan ở trung ương và địa phương tổ chức thực hiện việc kê khai và cấp phát phiếu mua hàng năm 1973 và các năm sau.

I. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KÊ KHAI, CẤP PHÁT TEM PHIẾU MUA HÀNG

1. Thời điểm kê khai.

Từ nay trở đi, thống nhất lấy 0 giờ ngày 1 tháng 10 hàng năm làm thời điểm kê khai, cấp phát tem phiếu mua hàng cho toàn miền Bắc. Nếu địa phương nào có xảy ra thiên tai, địch họa trong phạm vi một vài huyện hoặc trong phạm vi toàn tỉnh, cần phải hoãn việc kê khai, cấp phát tem phiếu sau thời điểm nói trên, thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xét.

2. Căn cứ đề kê khai, cấp phát tem phiếu.

Việc kê khai và cấp phát các loại tem phiếu mua hàng trong điều kiện có chiến tranh phá hoại hiện nay cũng như sau này khi kết thúc